

*Bản án số: 197/2020/DS-PT*

*Ngày: 25-6-2020.*

*V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất  
và hủy giấy chứng nhận quyền sử  
dụng đất”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Đức Phương.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tũu.

Ông Vũ Ngọc Huynh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:**  
Ông Nguyễn Kim Đoạn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 575/2019/TLPT-DS ngày 4 tháng 11 năm 2019 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 26 tháng 09 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 248/2020/QĐXX-DS ngày 01 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kh (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 5, xã QT, huyện ĐR, tỉnh Đắk Nông.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Kh:* Luật sư Huỳnh Đ – Văn phòng luật sư Hoài An - Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông (có mặt).

**Bị đơn:**

1. Ông Thái Đức V (có mặt).

2. Bà Thân Thị Kim S (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã QT, huyện ĐR, tỉnh Đắk Nông.

*Người đại diện hợp pháp của bà S:* Ông Thái Đức V (theo giấy ủy quyền ngày 26/3/2019-có mặt).

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện ĐR.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Lê Văn A; Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐR, tỉnh Đắk Nông (theo Văn bản uỷ quyền số 40/UBND-UQ ngày 17/6/2019- vắng mặt).

2. Ông Tăng Thanh T (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 5, xã QT, huyện ĐR, tỉnh Đắk Nông.

**Người kháng cáo:** Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kh trình bày:*

Năm 1990, bà Kh cùng con trai là Tăng Thanh T1 từ huyện DX, tỉnh Quảng Nam đến xã QT, huyện ĐR, tỉnh Đắk Lắk (nay là tỉnh Đắk Nông) lập nghiệp sinh sống. Do không có đất để ở và canh tác nên bà Kh cùng bà Thạch Thị B (hiện sinh sống tại tổ 1, thị trấn Kiến Đức, huyện ĐR, tỉnh Đắk Nông) đến nhà của ông Phạm Văn Ph (tên gọi là Năm Phận ở thôn 1, xã QT, huyện ĐR, ông Ph nay đã chết do bệnh) nhận chuyển một lô đất ở mặt đường Quốc lộ 14, tổng diện tích là 1.820m<sup>2</sup> với chiều ngang Quốc lộ 14 là 14m, chiều ngang phía sau dài 12m, chiều dài 140m, giá mua là 1.000.000 đồng. Lô đất có dạng hình thang, tọa lạc tại thôn 5, xã QT, huyện ĐR. Sau khi mua đất, bà Kh đã cất nhà lợp tranh, vách thưng tre nửa để ở.

Ngày 18/10/1995, bà Kh được UBND huyện ĐR cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) số H084186, thửa đất số 68, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.820m<sup>2</sup>; Trong đó, chiều ngang thửa đất dọc Quốc lộ 14 rộng 14m, chiều ngang phía sau thửa đất rộng 12m, chiều dài thửa đất là 140m, tại xã QT, huyện ĐR. Vị trí đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất vợ chồng ông Thái Đức V, bà Thân Thị Kim S; phía Tây giáp đất của cửa hàng nội thất KN; phía Nam giáp Quốc lộ 14 (rộng 14m); phía Bắc giáp đất đồi (rộng 12m). Quá trình sử dụng đất của bà Kh là ổn định, không có tranh chấp. Khi vợ chồng ông V và bà S đến ở, canh tác trên thửa đất giáp bà Kh đã lấn chiếm 630m<sup>2</sup> (chiều ngang dọc Quốc lộ 14 là 4m, chiều ngang sau thửa đất là 05m, chiều dài hết thửa đất). Sau khi lấn chiếm, vợ chồng ông V xây dựng nhà và kê khai làm thủ tục và được UBND huyện ĐR cấp giấy CNQSDĐ ngày 24/4/2014, diện tích 775m<sup>2</sup>, thửa số 69, tờ bản đồ số 05.

Do đó, bà Kh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông V, bà S hoàn trả lại diện tích đã lấn chiếm khoảng 630m<sup>2</sup>; Hủy một phần giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND huyện ĐR cấp ngày 24/4/2014 cho ông V, bà S.

*Bị đơn, ông Thái Đức V và bà Thân Thị Kim S trình bày:*

Vào năm 2001, ông, bà có nhận sang nhượng của bà Lê Thị L (cư ngụ tại khu phố 2, thị trấn KĐ, huyện ĐR, tỉnh Đắk Nông) thửa đất 69a, tờ bản đồ số 05-1995 do UBND huyện ĐR cấp ngày 05/9/2001, diện tích đất 775m<sup>2</sup>, trong đó có

400m<sup>2</sup> đất thổ cư, 375m<sup>2</sup> đất trồng hoa màu. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, trên đất có căn nhà gỗ và có ông Tám (lò rèn) đang sinh sống. Sau đó, ông Tám chuyển đi thì ông V, bà S thuê xe múc san ủi mặt bằng và xây nhà ở. Từ năm 2001 đến năm 2004 thì xây nhà ở kiên cố diện tích 96m<sup>2</sup>. Năm 2014, ông, bà tiếp tục làm nhà diện tích 70m<sup>2</sup>, đồng thời tiến hành thủ tục chuyển nhượng QSDĐ diện tích trên với bà L, ông N và đã được cấp giấy CNQSDĐ. Đến năm 2018, ông, bà S ủi mặt bằng để trồng hoa màu thì bị bà Kh ngăn cản và tranh chấp. Ông V, bà S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

*1. Ủy ban nhân dân huyện ĐR, tỉnh Đắk Nông trình bày:*

Năm 1995, bà Kh được cấp giấy CNQSDĐ và sử dụng ổn định từ trước đến nay. Giấy CNQSDĐ của bà Kh thể hiện chiều rộng mặt đường là 14m, chiều rộng phía sau là 12m. Theo biên bản xác minh thực địa và biên bản hòa giải tranh chấp đất đai, thửa đất bà Kh có chiều rộng mặt đường là 10,3m, chiều rộng phía sau là 6,9m.

Đối với giấy CNQSDĐ cấp cho bà Kh: Bà Kh có đơn xin đăng ký, cấp giấy CNQSDĐ (không ghi ngày tháng) gửi UBND huyện ĐR đề nghị cấp giấy CNQSDĐ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 5 đo năm 1995, diện tích 1.820m<sup>2</sup> (gồm 400m<sup>2</sup> đất ở và 1420m<sup>2</sup> đất màu). Ngày 06/10/1995, UBND xã QT tiến hành thông báo công khai hồ sơ đăng ký đất tại trụ sở UBND xã theo quy định. Đến ngày 17/10/1995, UBND xã QT lập biên bản kết thúc công khai. Ngày 17/10/1995, UBND xã QT có tờ trình số 20/TT-UB về việc phê duyệt cấp giấy CNQSDĐ cho 603 tổ chức, cá nhân sử dụng đất, trong đó có bà Kh. Trên cơ sở tờ trình của UBND xã QT, Phòng Địa chính ban hành Tờ trình số 04/TT/RĐ ngày 17/10/1995 về việc phê duyệt cấp giấy CNQSDĐ đề nghị UBND huyện ĐR cấp giấy cho 603 tổ chức, cá nhân sử dụng đất tại xã QT. Ngày 18/10/1995, UBND huyện ĐR ban hành Quyết định số 05/QĐ-UB về việc cấp giấy CNQSDĐ cho 603 tổ chức, cá nhân, trong đó bà Kh được cấp giấy CNQSDĐ thửa số 68, tờ bản đồ số 5 đo năm 1995, diện tích 1.820m<sup>2</sup> (gồm 400m<sup>2</sup> đất ở và 1420m<sup>2</sup> đất màu).

Đối với giấy CNQSDĐ cấp cho bà Lê Thị L: Ngày 30/5/2001, Hội đồng xét duyệt đăng ký cấp đất xã QT họp xem xét và thống nhất đơn đăng ký cấp đất của 18 hộ gia đình, cá nhân có đất tại xã QT đủ điều kiện cấp giấy CNQSDĐ theo quy định. Ngày 30/5/2001, UBND xã QT tiến hành thông báo công khai hồ sơ đăng ký đất tại trụ sở UBND xã theo quy định. Đến ngày 15/6/2001, UBND xã QT đã lập biên bản kết thúc công khai. Ngày 15/6/2001, UBND xã QT có tờ trình số 02/TT-UB về việc phê duyệt cấp giấy cho 18 hộ gia đình, cá nhân, trong đó có bà L, kèm theo tờ trình, thể hiện cụ thể: Số thứ tự 05, địa chỉ: Thôn 2, xã QT, tổng diện tích 775m<sup>2</sup>, trong đó có 400m<sup>2</sup> đất ở và 375m<sup>2</sup> đất màu. Trên cơ sở Tờ trình của UBND xã QT, Phòng Địa chính ban hành Tờ trình số 81/TT-ĐC ngày 21/8/2001 về việc phê duyệt cấp giấy CNQSDĐ đề nghị UBND huyện ĐR cấp giấy cho 18 hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã QT. Ngày 05/9/2001, UBND huyện ĐR ban hành Quyết định số 275/2001/QĐ-UB về việc cấp giấy CNQSDĐ cho 18 hộ

gia đình, cá nhân, trong đó có hộ bà L số R 635664, thửa 69a, tờ bản đồ số 5 đo năm 1995, diện tích 775m<sup>2</sup>, trong đó có 400m<sup>2</sup> đất ở và 375m<sup>2</sup> đất màu.

Đối với việc cấp giấy CNQSDĐ số BS 079341 do UBND huyện ĐR cấp ngày 24/4/2014 thửa số 69, tờ bản đồ số 05 cho ông Thái Đức V, bà Thân Thị Kim S: Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 05 (đo năm 1995), xã QT được ông V, bà S nhận chuyển nhượng từ ông Võ Xuân N và bà Lê Thị L theo Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ được Văn phòng Công chứng ĐR chứng thực vào ngày 04/4/2014. Ngày 24/4/2014, UBND huyện ĐR ban hành Quyết định số 939/QĐ-UBND, có nội dung: Thu hồi và hủy bỏ giá trị giấy CNQSDĐ số R 635664 của bà L. Việc UBND huyện ĐR thực hiện thủ tục cấp giấy CNQSDĐ cho ông V, bà S là đúng theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với tranh chấp của các bên liên quan, UBND huyện ĐR đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Ông Tăng Thanh T1 trình bày: Thống nhất ý kiến của bà Nguyễn Thị Kh.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 26 tháng 09 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, quyết định:*

Căn cứ khoản 9 Điều 26, 34, 37, khoản 1 Điều 147, 161, 166, 264, 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 30, 32 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kh đối với ông Thái Đức V và Thân Thị Kim S.

2. Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/10/2019, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kh kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Năm 1990, bà Kh mua đất của cá nhân ông Năm Phận 1.820m<sup>2</sup>, giá 1.000.000 đồng. Các bên có lập giấy mua bán và đo đạc thực tế. Khi làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ thì đã giao giấy mua bán này cho UBND xã QT. Diện tích được cấp giấy CNQSDĐ là 1.820m<sup>2</sup>, nhưng thực tế bà Kh chỉ đang sử dụng 1.261m<sup>2</sup>. Trong khi đó, ông V, bà S sử dụng nhiều hơn diện tích đất được cấp. Năm 2004, khi ông V xây nhà thì bà Kh đã khiếu nại với UBND xã QT nhưng không được giải quyết.

Bị đơn trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc do năm 2001, ông V, bà S mua đất của bà L. Năm 2004 thì xây nhà nhưng không ai tranh chấp. Năm 2014, sau khi bà L được cấp giấy CNQSDĐ thì các bên lập hợp đồng chuyển nhượng và ông V, bà S được cấp giấy CNQSDĐ, diện tích 775m<sup>2</sup>. Năm 2018, gia đình san ủi đất thì phát sinh tranh chấp. Ông V đồng ý nếu sử dụng dư đất so với diện tích được cấp giấy thì đồng ý trả lại nhưng không phải theo yêu cầu của bà Kh là 630m<sup>2</sup>.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Kh trình bày:* Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ để giải quyết vụ án, gồm: Hồ sơ cấp giấy

CNQSDĐ của các đương sự, tài liệu chứng minh việc kê khai đăng ký sử dụng đất của bà L. Bà L được cấp giấy CNQSDĐ thửa 69a, còn ông V, bà S được cấp thửa 69 nhưng chưa có tài liệu xác định 2 thửa đất này có phải là một hay không? Bà Kh được cấp giấy CNQSDĐ diện tích 1.820m<sup>2</sup> nhưng sử dụng 1.261m<sup>2</sup>, còn ông V sử dụng 996m<sup>2</sup> là nhiều hơn diện tích được cấp giấy 775m<sup>2</sup>. Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của bà Kh là không đủ căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

*Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:* Bà Kh được cấp giấy CNQSDĐ, diện tích 1.820m<sup>2</sup> (chiều rộng 14m và 12m; chiều dài 140m), đo thực tế là 1.261,3m<sup>2</sup> (tương ứng là 10,05m và 7,66m, 140m). Ông V, bà S được cấp giấy CNQSDĐ, diện tích 775m<sup>2</sup> đo thực tế là 996m<sup>2</sup> (chiều rộng 08m và 05m; chiều dài 140m), đo thực tế tương ứng là 7,88m và 7,31m, 140m. Như vậy, bà Kh sử dụng ít hơn, còn ông V thì sử dụng nhiều hơn diện tích được cấp. Diện tích đất của các đương sự qua các lần đo đạc là khác nhau: Năm 1995, đất bà Kh là 1.820m<sup>2</sup>, năm 2011 là 1.160,1m<sup>2</sup> và năm 2019 là 1.261,3m<sup>2</sup>. Tại tờ bản đồ số 50 thể hiện thửa 167 vắng chủ nhưng Tòa án chưa xác minh thửa 176 của phải đất của ông V không? Việc đo đạc có ký xác nhận của các hộ sử dụng đất liền kề hay không? Những vấn đề trên chưa được làm rõ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại cho rằng tài liệu đo đạc trùng khớp với diện tích đất thực sử dụng là chưa có căn cứ. Hồ sơ vụ án không có bản giải trình của UBND huyện, không có đầy đủ hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ của các đương sự. Như vậy, việc điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nên Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của bà Kh là chưa đủ căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

*Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông thụ lý vụ án và giải quyết là đúng quy định tại Điều 26, 34, 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Kh kháng cáo đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*Về nội dung tranh chấp:*

[1] Các đương sự tranh chấp diện tích 630m<sup>2</sup> thuộc thửa số 69, tờ bản đồ số 05, tại xã QT, huyện ĐR, tỉnh Đắk Nông. Phần đất này, hiện nay do bị đơn quản lý, trên đất có căn nhà cấp 4. Theo trình bày của nguyên đơn thì phần đất trên nằm trong diện tích 1.820m<sup>2</sup>, thửa 68, tờ bản đồ số 05, được UBND huyện ĐR cấp cho bà Kh ngày 18/10/1995. Tuy nhiên, bị đơn không thừa nhận và cho rằng, diện tích đất trên có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của ông Võ Xuân N và bà Lê Thị L năm 2014. Khi chuyển nhượng thì bà L đã được cấp giấy CNQSDĐ. Xét trình bày của các đương sự, thấy rằng:

[1.1] Tại Đơn kiến nghị ngày 16/5/2018 của bà Kh gửi UBND xã QT, huyện ĐR (bút lục 118), có nội dung: Năm 1990, có mua đất chiều ngang là 10m. Tại

Công văn số 168/UBND-VX ngày 30/10/2018 của UBND xã QT (bút lục 14), cũng xác định Đơn kiến nghị gửi UBND xã, bà Kh trình bày: Năm 1990, bà Kh mua thửa đất có chiều ngang 10m. Tại giấy CNQSDĐ do UBND huyện ĐR cấp cho bà Kh thể hiện chiều ngang mặt giáp Quốc lộ 14 là 14m, chiều ngang (mặt sau) là 12m. Bà L được cấp giấy CNQSDĐ năm 2001, diện tích 775m<sup>2</sup> là sau khi bà Kh được cấp giấy CNQSDĐ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ của các đương sự là cơ sở để xem xét việc cấp giấy này có đúng pháp luật không, cụ thể: Có đo đạc, cắm mốc ranh đất không? Các bên có ký giáp ranh không? Bà L có đăng ký sử dụng đất không? Diện tích bao nhiêu?. Khi làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ cho ông V, bà S theo hợp đồng chuyển nhượng từ bà L, ông N thì cơ quan có thẩm quyền có tiến hành đo đạc thực tế không? Hay chỉ căn cứ giấy CNQSDĐ?

[1.2] Tại phiên tòa, bà Kh trình bày năm 1990 có mua đất của ông Năm Phận diện tích 1.820m<sup>2</sup> (chiều ngang 14m và 12m), các bên có lập giấy tờ mua bán và giao nhận tiền. Giấy này khi làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ thì bà Kh đã nộp cho UBND xã QT nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, tại đơn xin cấp giấy CNQSDĐ của bà Kh lại ghi nguồn gốc đất: Xã giao. Như vậy, diện tích 1.820m<sup>2</sup> là do bà Kh mua của ông Năm Phận hay được UBND xã QT giao? Nếu giao thì diện tích, kích thước như thế nào? Hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ của bà Kh có giấy tờ mua bán với ông Năm Phận hay không? Chưa được điều tra làm rõ.

[1.3] Diện tích đất theo giấy CNQSDĐ của bà Kh là 1.820m<sup>2</sup> nhưng thực tế bà Kh chỉ sử dụng 1.261m<sup>2</sup>, còn ông V, bà S (trước đó là bà L) được cấp 775m<sup>2</sup> nhưng thực tế sử dụng dư 210,3m<sup>2</sup>. Tại phiên tòa, ông V cũng đồng ý trả lại cho bà Kh diện tích dư so với diện tích được cấp là 775m<sup>2</sup>. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ lý do tại sao có sự chênh lệch trên, cũng như quá trình quản lý, sử dụng đất của các bên nhưng đã cho rằng ông V, bà S không lấn đất là chưa đủ căn cứ.

[1.4] Ông V trình bày sau khi nhận chuyển nhượng của bà L năm 2001 thì năm 2004 đã xây nhà cấp 4 sát đất nhà bà Kh nhưng bà Kh không phản đối. Tuy nhiên, bà Kh cho rằng đã khiếu nại với UBND xã QT. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh tại UBND xã QT sự việc trên là có thiếu sót.

[2] UBND huyện ĐR khi tiến hành thủ tục cấp giấy CNQSDĐ cho bà Kh, bà L chỉ căn cứ việc kê khai sử dụng đất của các đương sự và sổ địa chính, sổ mục kê mà không đo đạc là không phù hợp với thực tế sử dụng đất của bà Kh, bà L, không đúng quy định của Luật Đất đai năm 1993, 2003.

[3] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ các nội dung nêu trên nhưng đã bác đơn khởi kiện của bà Kh là chưa có căn cứ vững chắc. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của bà Kh và nội dung trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Kh; Hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Bà Kh phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kh.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Chi phí đo đạc và tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị Kh nộp sẽ được xem xét khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

4. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kh không phải chịu và được trả lại 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng theo Biên lai thu số 0000019 ngày 10/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 25 tháng 6 năm 2010)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đắk Nông (1);
- VKSND tỉnh Đắk Nông (1);
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông (1);
- Các đương sự;
- Lưu (5), (án 09)

**Phan Đức Phương**